

Xy lanh kẹp loại song song
HPPF-16-64-A
Số bộ phận: 8143246

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	16
Tổng hành trình	64 mm
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	32 mm
Bộ gấp tối đa hàm góc chơi riu, ay	0 °
Khe chấu kẹp tối đa Sz	0 mm
Độ chính xác lặp lại kẹp	0.06 mm
Số chấu kẹp	2
Loại bộ truyền động	khí nén
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Chức năng kẹp	Song song
Thiết bị an toàn lực kẹp	không có
Cấu trúc xây dựng	Kiểu gắn phẳng cho ngón tay kẹp Thanh răng/bánh răng chuỗi chuyển động cưỡng bức
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gắn
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.7 MPA 1 bar...7 bar 14.5 psi...101.5 psi
Tần số làm việc tối đa của kẹp	1 Hz
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	189 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	181 ms
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Đặc tính	Giá trị
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 7 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	218.2 N
Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	218.2 N
Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	109.1 N
Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	109.1 N
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	180 N
Thời điểm tối đa Mx	4.4 N m
Max. Moment My	2.2 N m
Mô-men tối đa Mz	2.2 N m
trọng lượng sản phẩm	691 g
Kiểu gắn	Gắn trực tiếp qua lỗ xuyên Gắn trực tiếp thông qua ren
Cổng nối khí nén	M5
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu nắp che	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đế cuối van	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Hàm kẹp vật liệu	thép hợp kim
Vật liệu con dấu piston	TPE-U(PU)
Vật liệu vòng đệm chữ O	NBR
Vật liệu vít	Thép, tráng
Vật liệu thanh răng	thép hợp kim cao không gỉ